TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2022/DSPT
Ngày: 25/4/2022
V/v tranh chấp di sản;
chia thừa kế"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Hồ Tuấn Anh.

- *Các Thẩm phán*: Ông Phan Minh Dũng

Ông Nguyễn Thanh Tuấn

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Hùng Cường là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định***: Bà Lê Thị Vân - Kiểm sát viên *tham gia phiên tòa*.

Ngày 25 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 136/2021/TLPT-DS ngày 10 tháng 6 năm 2021 về việc "Tranh chấp di sản; chia thừa kế".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 94/2021/DS-ST ngày 29 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Q bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 162/2021/QĐ-PT ngày 01 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*:

1. Ông Nguyễn Thái Kh
2. Ông Nguyễn Ngọc H

Cùng cư trú tại: Số 35 đường Nguyễn Thái B, phường H, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

3. Bà Nguyễn Thị Th
4. Ông Nguyễn Ngọc Th1

Cùng cư trú tại: Tổ 8, khu vực 2, phường H, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Thái Kh, ông Nguyễn Ngọc H, bà Nguyễn Thị Th và ông Nguyễn Ngọc Th1: Bà Nguyễn Thị Kim Q; cư trú tại: Tổ 50 khu vực 7, phường L, thành phố Q, tỉnh Bình Định (Văn bản ủy quyền ngày 12/5/2021).

- *Bị đơn*:

Bà Lê Thị Bích D
Chị Nguyễn Lê Trà M
Cùng cư trú tại: Tổ 8, khu vực 2, phường H, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Chị Nguyễn Lê Kiều M1; cư trú tại: 196 đường Nguyễn H, thành phố Q, tỉnh Bình Định

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn bà Lê Thị Bích D: Luật sư Trần Văn S – Văn phòng Luật sư Trần Ph & Cộng sự - Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Nguyễn Ngọc H2; cư trú tại: Tổ 8, khu vực 2, phường H, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

2. Bà Nguyễn Thị Th2; cư trú tại: Thôn Thạch Kh, xã Xuân L, thị xã S, tỉnh Phú Yên.

Đại diện hợp pháp của bà Ngyễn Thị Th2: Bà Nguyễn Thị Kim Q; cư trú tại: Tổ 50, KV7, phường L, thành phố Q (văn bản ủy quyền ngày 21/5/2019)

3. Bà Trần Thị T đang bị giam tại Trại giam A2; địa chỉ: Đội 4, K1, Trại giam A2, xã Diên Lâm, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa

4. Anh Nguyễn Ngọc V

5. Anh Nguyễn Ngọc C

Cùng cư trú tại: Khu phố Phú Thọ 1, phường H, thị trấn Đ, huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên.

6. Ông Nguyễn Ngọc Th3; cư trú tại: Tổ 8, khu vực 8, phường H, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

- *Người kháng cáo*: Ông Nguyễn Thái Kh, ông Nguyễn Ngọc Th1, ông Nguyễn Ngọc H và bà Nguyễn Thị Th – Nguyên đơn; Bà Lê Thị Bích D - Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Nguyễn Thị Kim Q đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn trình bày:

Cụ Nguyễn Thái L (chết ngày 15/11/2006), cụ Đào Thị L1 (chết năm 1993) có 09 người con chung gồm: Nguyễn Ngọc H2, Nguyễn Thị Th2, Nguyễn Ngọc Th2, Nguyễn Thái Kh, Nguyễn Ngọc N (ông N chết năm 2020 nhưng có vợ là bà Trần Thị T và 02 người con là Nguyễn Ngọc V và Nguyễn Ngọc C), Nguyễn Ngọc H, Nguyễn Ngọc H3 (ông H3 chết năm 2012 có vợ là Lê Thị Bích D và 02 con chung là Nguyễn Lê Kiều M2 và Nguyễn Lê Trà M), Nguyễn Ngọc Th3 và Nguyễn Thị Th. Cụ L và cụ L1 đều không để lại di chúc.

Tài sản các cụ để lại là nhà và đất tại tổ 8, khu vực 2, phường H, thành phố Q, tỉnh Bình Định hiện do mẹ con bà Lê Thị Bích D (vợ, con ông Nguyễn Ngọc H3) đang quản lý, sử dụng. Nguồn gốc nhà nêu trên là của vợ chồng cụ Lo xin phép chính quyền địa phương để dựng nhà rầm trên mặt nước đầm Đ (nay là khu sinh thái hồ Đ) vào năm 1987. Quá trình sử dụng bồi trúc từ nhà rầm thành nhà cấp 4 vào năm 1990 (hiện nay nhà đã bị sập). Theo hồ sơ kỹ thuật, thửa đất có số hiệu 110, tờ bản đồ số 09, số hiệu mảnh bản đồ gốc 522631-9-(14), mục đích sử dụng đất ở, diện tích 80,3 m^2 có giới cận: Đông giáp nhà ông Nguyễn D, Tây giáp đường đi, Nam giáp đường đi trong xóm, Bắc giáp nhà ông Trần Hữu

N.

Các nguyên đơn yêu cầu chia di sản của vợ chồng cụ L để lại là nhà và đất tại tổ 8, khu vực 2, phường H, thành phố Q, tỉnh Bình Định cho 09 người con. Giao cho ông Nguyễn Ngọc Th1 nhận đất và thanh toán cho các anh chị em.

Bị đơn bà Lê Thị Bích D trình bày:

Thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về hàng thừa kế của vợ chồng cụ Nguyễn Thái L, cụ Đào Thị L1. Bà kết hôn với ông Nguyễn Ngọc H3 năm 1994 nhưng đến năm 2004 mới đăng ký kết hôn. Vợ chồng bà có 02 con chung là Nguyễn Lê Kiều M1 và Nguyễn Lê Trà M.

Sau khi kết hôn, vợ chồng bà sống chung tại nhà cha mẹ chồng là vợ chồng cụ L tại số nhà 278 đường Lê Văn H, phường H, thành phố Q. Do nhà nhỏ lại đông anh em nên vợ chồng bà ra ngoài đầm dựng nhà rầm để ở. Sau đó, vợ chồng bà liên tục bồi trúc từ năm 1995 đến năm 1997 bằng việc xây móng đá chẻ và đổ cát. Năm 1997, UBND phường H lập hồ sơ kỹ thuật thửa đất nên thửa đất có số hiệu 110, tờ bản đồ số 09, diện tích 80,3 m^2, mục đích sử dụng đất ở do ông Nguyễn Ngọc H3 chồng bà đứng tên. Năm 2012 do nhà xuống cấp trầm trọng nên gia đình bà phải mượn vách nhà bên cạnh dựng tôn để ở tạm. Nhà ngói (nhà rầm cũ) nằm trong thửa đất của bà.

Khoảng năm 2002, cụ Nguyễn Thái L bán nhà số 278 Lê Văn H cho vợ chồng anh Đàm Quang S và chia tiền cho các con nhưng ông H3 chồng bà không được chia.

Nhà ở và đất ở hiện nay là của vợ chồng bà tự tạo lập và độc lập với nhà ở của vợ chồng cụ Nguyễn Thái L nên bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Ngọc H2, ông Nguyễn Ngọc Th3, bà Nguyễn Thị Th2 đều thống nhất như trình bày và yêu cầu của nguyên đơn.

- Bà Trần Thị T, anh Nguyễn Ngọc V và anh Nguyễn Ngọc C là vợ và con của ông Trần Ngọc N (chết ngày 06/02/2020) yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật. Bà T đang bị giam tại Trại giam A2 tỉnh Khánh Hòa nên yêu cầu tòa xử vắng mặt.

Bản án dân sự sơ thẩm số 94/2021/DS-ST ngày 29 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Q đã xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Bà Lê Thị Bích D và hai con Nguyễn Lê Kiều M1, Nguyễn Lê Trà M được quyền quản lý sử dụng thửa đất số 110, tờ bản đồ số 09, mục đích sử dụng đất ở, diện tích 80,3 m^2 tại tổ 8, khu vực 2, phường H, thành phố Q, tỉnh Bình Định sau khi có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Ngọc H2, bà Nguyễn Thị Th2, ông Nguyễn Thái Kh, ông Nguyễn Ngọc Th1, ông Nguyễn Ngọc H, anh Nguyễn Ngọc Th3, bà Nguyễn Thị Th mỗi người 341.467.000 đồng và thanh toán cho anh Nguyễn Ngọc V, anh Nguyễn Ngọc C mỗi người 170.732.000 đồng

Diện tích dôi dư giữa hồ sơ kỹ thuật thửa đất với diện tích đo đạc thực tế là 37,9 m^2 trong đó diện tích nằm trong chỉ giới xây dựng 5,8 m^2 theo Biên bản đo đạc ngày 18/8/2020 tạm giao cho bà D và 02 con là Nguyễn Lê Kiều M1, Nguyễn Lê Trà M được quyền quản lý sử dụng.

Bà Dung và hai con có trách nhiệm liên hệ với các cơ quan chức năng làm thủ tục cấp GCNQSDĐ diện tích đất nói trên (gồm 80,3 m^2 theo sơ đồ thửa và 37,9 m^2 diện tích đất lấn chiếm) có tứ cận: Đông giáp hẻm bê tông, Tây giáp nhà ông K, Nam giáp nhà ông D, Bắc giáp đường Bùi Xuân P theo quy định pháp luật và có trách nhiệm làm việc với các cơ quan chức năng đối với diện tích vi phạm chỉ giới xây dựng 5,8 m^2 theo đúng quy định pháp luật.

Bác một phần yêu cầu của nguyên đơn về diện tích đất tranh chấp và khi phân chia xin nhận đất

Bác lời nại của bị đơn cho rằng toàn bộ diện tích đất tranh chấp do vợ chồng bị đơn tôn tạo.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

- Ngày 11/5/2021, nguyên đơn ông Nguyễn Thái Kh, ông Nguyễn Ngọc Th1 và ông Nguyễn Ngọc H kháng cáo

- Ngày 14/5/2021, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th kháng cáo.

Kháng cáo của các nguyên đơn đều yêu cầu công nhận diện tích đất 80,3 m^2 là di sản của cha mẹ để lại; yêu cầu giao diện tích đất 80,3 m^2 cho ông Nguyễn Ngọc Th1, ông Th1 có trách nhiệm thanh toán cho các thừa kế.

- Ngày 12/5/2021, bị đơn bà Lê Thị Bích D kháng cáo yêu cầu công nhận thửa đất số 110, tờ bản đồ số 09 tại tổ 8 khu vực 2, phường H, thành phố Q là tài sản thuộc quyền sử dụng của vợ chồng bà. Xác định nhà rầm của cụ Nguyễn Thái L đã cho vợ chồng bà. Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị: Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn; bác kháng cáo của bị đơn; sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế là quyền sử dụng đất do cha mẹ để lại. Bị đơn không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn mà cho rằng đất là tài sản chung của vợ chồng bị đơn do đó quan hệ pháp luật tranh chấp là "tranh chấp di sản thừa kế và chia thừa kế" nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp "chia tài sản chung" là không đúng.

[2] Về nội dung:

Nguyên đơn kháng cáo yêu cầu công nhận diện tích 80,3 m^2 đất ở thuộc thửa đất số 110, tờ bản đồ số 09, giới cận: Đông giáp đường luồng chung, Tây giáp nhà, đất của ông K, Nam giáp nhà, đất của ông D, Bắc giáp đường Bùi

Xuân P tọa lạc tại tổ 8, khu vực 2, phường H, thành phố Q, tỉnh Bình Định là di sản của vợ chồng cụ Nguyễn Thái L, Đào Thị L1; yêu cầu chia thừa kế thửa đất nêu trên, yêu cầu giao toàn bộ diện tích đất cho ông Nguyễn Ngọc Th1 quản lý sử dụng đồng thời ông Th1 có trách nhiệm thanh toán cho các thừa kế của vợ chồng cụ L. Bị đơn bà Lê Thị Bích D kháng cáo yêu cầu công nhận diện tích đất 80,3 m^2 là tài sản chung của bà và ông Nguyễn Ngọc H3 riêng ngôi nhà trên đất đã bị sập là của cụ Nguyễn Thái L nhưng khi còn sống, cụ L đã cho vợ chồng bà. Tại phiên tòa phúc thẩm, luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà D trình bày yêu cầu kháng cáo của bà D trong đó bà D yêu cầu trong diện tích đất 80,3 m^2 có 17,8 m2 là di sản của vợ chồng cụ L nên diện tích đất còn lại 62,5 m2 là tài sản chung của bà D và ông Nguyễn Ngọc H3. Xét kháng cáo của các bên đương sự, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Về di sản thừa kế:

[2.1.1] Theo nguyên đơn, năm 1987 cụ Nguyễn Thái L xin phép chính quyền địa phương làm nhà rầm (sau này là nhà ngói) trên mặt nước đầm Thị N. Qúa trình sử dụng, cụ L và các con tiếp tục bồi trúc thành thửa đất số 110, tờ bản đồ số 09 như hiện nay. Bị đơn bà Lê Thị Bích D - vợ ông Nguyễn Ngọc H3 (ông H3 là con của cụ Nguyễn Thái L, Đào Thị L1) cho rằng bà và ông H3 chung sống với nhau từ năm 1994 đến năm 2004 mới đăng ký kết hôn. Từ khi chung sống, vợ chồng bà ở chung với cụ L tại số nhà 278 đường Lê Văn H, thành phố Q nhưng do nhà chật hẹp lại đông người nên vợ chồng bà ra làm nhà rầm trên mặt nước đầm Thị N để ở. Năm 1997, UBND phường H lập hồ sơ kỹ thuật thửa đất mà vợ chồng bà đang ở là thửa 110, tờ bản đồ số 09 tại tổ 8, khu vực 2, phường H, thành phố Q do ông H3 đứng tên chủ sử dụng do đó thửa đất này là tài sản chung của bà và ông H3 không phải là di sản của vợ chồng cụ L. Bà D thừa nhận trên thửa đất số 110, tờ bản đồ số 09 có nhà rầm cũ, diện tích 17,8 m^2 do cụ L xây dựng nhưng khi cụ L còn sống đã cho vợ chồng bà (Việc cho chỉ nói miệng, không lập thành văn bản). Nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn không công nhận việc cho, bà D không có chứng cứ để chứng minh rằng cụ L đã cho vợ chồng bà diện tích nhà nêu trên.

[2.1.2] Ông Trần Hữu N1 là người làm chứng do nguyên đơn cung cấp khai: Cụ L cất nhà rầm năm 1987 sau đó thuê mướn và cùng với các con đổ đất bồi trúc thành lô đất như hiện nay. Ông Nguyễn Đức H4, ông Đàm Quang S là những người làm chứng do bị đơn cung cấp khai: cụ L có nhà rầm tại bến đò, sau khi bán nhà 278 Lê Văn H về ở tại ngôi nhà rầm này còn ai tôn tạo đất nhà rầm như hiện nay các ông không biết.

Bà Nguyễn Thị Nh và bà Phạm Thị L2 là hàng xóm của cụ L và bà D có lời khai: "Tôi thấy ông L ở nhà 278 Lê Văn H, thành phố Q từ lâu lắm đến khi bà L1 vợ ông L bị tai nạn giao thông chết, sau đó ông L bán ngôi nhà trên cho ông Đàm Quang S. Ông L cất nhà rầm trước khi bán nhà. Sau khi bán nhà 278 Lê Văn H, thành phố Q, ông L ra ở nhà rầm cùng với anh Th3 sau này anh H3 ở tù ra về ở chung. Chúng tôi được ông L thuê đổ đất để nâng đất nhà rầm, thời gian đổ đất kéo dài từ năm 1993 đến năm 1998. Khi đổ đất có lấy đá chẻ vây

quanh để chận đất khỏi trôi... Khi ông L chết tổ chức đám tang tại nhà rầm ông L hiện nay vẫn còn và đã sập"

[2.1.3] Theo Biên bản xác minh ngày 02/3/2021, ông Đỗ Đình L3 - cán bộ địa chính phường H cho biết: Cụ L cất nhà rầm năm 1987 không xin phép chính quyền địa phương sau đó cụ thuê mướn và cùng các con đổ đất bồi trúc thành lô đất như hiện nay (thửa đất số 110) sau khi cụ L bán nhà Lê Văn H ra ở tại thửa đất nói trên. Vợ chồng ông H3 bà D sử dụng từ đó đến nay. Vợ chồng ông H3 bà D khai bồi trúc lô đất là không đúng.

[2.1.4] Theo Biên bản ngày 26/02/2021, các ông gồm: Nguyễn Quang Th4 – Chủ tịch UBND phường H, Đỗ Đình L3 – cán bộ địa chính, Dương Quốc B - Trưởng khu phố 2 và Trần Hữu N1 là người sống lâu năm tại địa phương đều xác nhận rằng: "Nguồn gốc thửa đất số 110, tờ bản đồ số 9 do vợ chồng ông Nguyễn Thái L dựng nhà rầm trên đất mặt nước Đầm Thị N không xin phép chính quyền địa phương vào năm 1987 sau đó vợ chồng ông L thuê mướn và cùng với các con đổ đất bồi trúc thành thửa đất như hiện nay. Việc ông Nguyễn Ngọc H3 (con ông L) đứng tên trong hồ sơ kỹ thuật thửa đất thực tế đo đạc năm 1995 đến tháng 10/1997 mới thành lập bản đồ địa chính phường. Thời điểm tổ công tác đi lấy thông tin thửa đất, ông H3 đang ở tại ngôi nhà này nên tổ công tác ghi tên ông H3 vào hồ sơ kỹ thuật thửa đất. Bà D cưới ông H3 vào năm 1994 đến năm 2004 bà D mới về ở tại thửa đất này và đăng ký hộ khẩu thường trú"

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định thửa đất số 110, tờ bản đồ số 09, diện tích 80,3 m^2 tại tổ 8, khu vực 2, phường H, thành phố Q là của vợ chồng cụ Nguyễn Thái L, Đào Thị L1 nên việc Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng di sản của vợ chồng cụ L là diện tích đất 51,223 m^2 thuộc thửa đất số 110, tờ bản đồ số 09 tại tổ 8, khu vực 2, phường H, thành phố Q, tỉnh Bình Định là chưa chính xác, không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự. Như vậy, kháng cáo của bà D yêu cầu công nhận diện tích đất 62,5 m^2 thuộc thửa đất số 110, tờ bản đồ số 09, diện tích 80,3 m^2 là tài sản chung của bà và ông Nguyễn Ngọc H3 còn ngôi nhà trên đất có diện tích 17,8 m^2 đã bị sập là của cụ Nguyễn Thái L nhưng khi còn sống đã cho vợ chồng bà là không có căn cứ. Vợ chồng bà D, ông H3 chỉ có đóng góp công sức trong việc quản lý, gìn giữ, tôn tạo thửa đất để thửa đất được như hiện nay.

[2.2] Về chia thừa kế:

[2.2.1] Hàng thừa kế:

Các đương sự đều thống nhất vợ chồng cụ L có 09 con chung gồm: Nguyễn Ngọc H2, Nguyễn Thị Th2, Nguyễn Ngọc Th1, Nguyễn Thái Kh, Nguyễn Ngọc N (ông N chết năm 2020 nhưng có vợ là bà Trần Thị T và 02 người con là Nguyễn Ngọc V và Nguyễn Ngọc C), Nguyễn Ngọc H, Nguyễn Ngọc H3 (ông H3 chết năm 2012 có vợ là Lê Thị Bích D và 02 con chung là Nguyễn Lê Kiều M1 và Nguyễn Lê Trà M), Nguyễn Ngọc Th3 và Nguyễn Thị Th.

Cụ Đào Thị L1 chết năm 1993 nên hàng thừa kế của cụ L1 gồm: cụ L, ông H2, bà Th2, ông Th1, ông Kh, ông N, ông H, ông H3, ông Th3 và bà Th.

Cụ Nguyễn Thái L chết năm 2006 nên hàng thừa kế thứ nhất của cụ L gồm: ông H2, bà Th2, ông Th1, ông Kh, ông N, ông H, ông H3, ông Th3 và bà Th.

Ông Nguyễn Ngọc N chết năm 2020 nên phần tài sản mà ông N được hưởng của cha mẹ được chia cho các thừa kế của ông N là bà Trần Thị T, anh Nguyễn Ngọc V và anh Nguyễn Ngọc C.

Ông Nguyễn Ngọc H3 chết năm 2012 nên phần tài sản ông H3 được hưởng của cha mẹ được chia cho các thừa kế của ông H3 là bà Lê Thị Bích D, chị Nguyễn Lê Kiều M1 và chị Nguyễn Lê Trà M.

[2.2.2] Di sản thừa kế:

Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và Trích đo địa chính thửa đất lập ngày 22/10/2021, thửa đất số 110, tờ bản đồ số 09 có diện tích thửa 111,7 m^2 (loại đất ở) tại tổ 8, khu vực 2, phường H, thành phố Q.

Theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất (HSKT) do UBND phường H lập năm 1997, thửa đất số 110, tờ bản đồ số 09 có diện tích 80,3 m^2. Diện tích đo đạc theo Trích đo địa chính thửa đất lập ngày 22/10/2021 là 111,7 m^2 trong đó có 7,3 m^2 nằm trong hành lang an toàn giao thông, diện tích còn lại của thửa đất là 104,4 m^2 (chênh lệch so với HSKT thửa đất lập năm 1997 là 24,1 m^2). Việc chênh lệch diện tích giữa HSKT thửa đất với Trích đo địa chính thửa đất lập ngày 22/10/2021 được UBND phường H nêu tại Công văn số 209/UBND-ĐC ngày 08/12/2021 như sau: "thời điểm ngày 27/5/2008, tổ công tác tiến hành đo đạc thực tế tại nhà ông Nguyễn Ngọc H3, diện tích là 97,8 m^2 chênh lệch so với HSKT thửa đất là 17,5 m2 (chiều dài và chiều rộng không xác định được), đây là phần đất lấn chiếm đường đi chung (giáp phía Bắc thửa đất nhà ông H3). Trước đó ngày 29/4/2008, UBND phường ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trên lĩnh vực xây dựng, quản lý công trình hạ tầng đô thị và quản lý sử dụng nhà đối với ông Nguyễn Ngọc H3 vì đã có hành vi xây dựng móng đá chẻ, đổ đất nâng nền lấn chiếm đường đi". Điều này cũng phù hợp với xác nhận của Phòng Tài nguyên – Môi trường thành phố Q tại Công văn số 125/TNMT ngày 14/3/2022: "phần diện tích này là đất rẻo R32 với diện tích 27,35 m2 nằm trong phương án xử lý đất dư còn lại sau khi giải tỏa xây dựng Hạ tầng kỹ thuật khu nhà ở Hồ Sinh thái Đ, thành phố Q. Do đó, đối với phần diện tích đất này sau khi có quyết định của UBND thành phố về việc giao đất rẻo cho hộ gia đình, cá nhân và phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định thì mới được công nhận (cấp GCN)".

Như vậy, di sản của vợ chồng cụ L là diện tích đất 80,3 m^2 thuộc thửa đất số 110, tờ bản đồ số 09 tại tổ 8, khu vực 2, phường H, thành phố Q. Mỗi thừa kế của vợ chồng cụ L được hưởng là 8,922 m^2 (80,3 m^2 : 9)

Theo Biên bản định giá tài sản ngày 22/10/2021, đất ở tại thửa đất nêu có giá thị trường là 50.000.000 đồng/m^2 nên tổng giá trị di sản của vợ chồng cụ L là 50.000.000 đồng/m^2 x 80,3 m^2 = 4.015.000.000 đồng (bốn tỉ không trăm mười lăm triệu).

[2.2.2.1] Phân chia di sản theo giá trị:

Như đã phân tích tại [2.1], vợ chồng bà Lê Thị Bích D có công sức trong việc quản lý, gìn giữ, tôn tạo tài sản của vợ chồng cụ L do đó phải trích cho vợ chồng bà D một khoản tiền bằng 400.000.000 đồng. Số tiền còn lại là 3.615.000.000 đồng được chia đều cho 09 thừa kế của vợ chồng cụ L, mỗi thừa kế được hưởng 401.666.666 đồng.

Ông Nguyễn Ngọc N chết năm 2020 nên phần thừa kế mà ông N được hưởng của cha mẹ được chia cho các thừa kế của ông N là bà Trần Thị T, anh Nguyễn Ngọc V và anh Nguyễn Ngọc C nên mỗi người được nhận 133.888.888 đồng (401.666.666 đồng : 3)

Ông Nguyễn Ngọc H3 chết năm 2012 nên phần tài sản ông H3 được hưởng của cha mẹ được chia cho các thừa kế của ông H3 là bà Lê Thị Bích D, chị Nguyễn Lê Kiều M1 và chị Nguyễn Lê Trà M nên mỗi người được nhận 133.888.888 đồng (401.666.666 đồng : 3). Vợ chồng bà D còn được hưởng 400.000.000 đồng quản lý, gìn giữ, tôn tạo bảo quản di sản trong đó phần bà D 200.000.000 đồng, ông H3 200.000.000 đồng. Ông Hải đã chết nên khoản 200.000.000 này là di sản của ông H3 được chia đều cho bà D, chị Nguyễn Lê Kiều M1 và chị Nguyễn Lê Trà M nên mỗi người được hưởng 66.666.666 đồng.

[2.2.2.2] Phân chia bằng hiện vật:

Ông Nguyễn Ngọc H2, bà Nguyễn Thị Th2, ông Nguyễn Ngọc Th1, ông Nguyễn Thái Kh, ông Nguyễn Ngọc H, ông Nguyễn Ngọc Th3 và Nguyễn Thị Th đều yêu cầu chia quyền sử dụng đất và thống nhất giao cho ông Nguyễn Ngọc Th1 quản lý, sử dụng đồng thời ông Th1 có trách nhiệm thanh toán kỷ phần thừa kế cho các thừa kế. Bà Lê Thị Bích D cũng yêu cầu nhận đất vì hiện nay bà không có chỗ ở nào khác. Xét thấy yêu cầu của các bên đương sự là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật vì thửa đất số 110, tờ bản đồ số 09, phường H có diện tích 80,3 m^2 (chiều rộng mặt tiền giáp đường Bùi Xuân P là 9,10 m) nên việc chia hiện vật là quyền sử dụng đất đảm bảo đủ điều kiện tách thửa theo Quyết định số 40/201/QĐ-UBND ngày 25/12/2014 của UBND tỉnh Bình Định.

Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và Trích đo địa chính thửa đất lập ngày 22/10/2021, trên thửa đất có nhà một tầng, mái lợp tôn, tường xây gạch, nền láng vữa xi măng, diện tích 15,6 m^2, vệ sinh có diện tích 2,2 m^2 và bếp, diện tích 4,7 m^2 (do vợ chồng bà D xây dựng) và nền móng diện tích 15,3 m2 (do vợ chồng cụ L xây dựng nhưng không còn giá trị sử dụng nên Hội đồng định giá tài sản không định giá). Tại phiên tòa, các bên đương sự cũng thống nhất các tài sản trên đất như Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 22/10/2021.

Việc phân chia hiện vật là quyền sử dụng đất cụ thể như sau:

Chia giao cho bà D phần đất có diện tích 40 m^2 trong đó chiều rộng phía Bắc giáp đường Bùi Xuân P là 4,8 m (trên đất có nhà và các công trình do vợ chồng bà D xây dựng và một phần nền móng cũ của vợ chồng cụ L). Phần diện

tích đất chia cho bà D ký hiệu Khu A trên bản vẽ kèm theo. Phần đất bà D được chia giao trị giá 2.000.000.000 đồng (40 m2 x 50.000.000 đồng/m^2)

Chia giao cho ông Th1 phần đất có diện tích 40,3 m^2 trong đó chiều rộng phía Bắc giáp đường Bùi Xuân P là 4,3 m (trên đất có một phần nền móng cũ của vợ chồng cụ L). Phần đất ông Th1 được chia giao trị giá 2.015.000.000 đồng (40,3 m^2 x 50.000.000 đồng/m^2). Phần diện tích đất chia cho ông Th1 ký hiệu khu B trên bản vẽ kèm theo.

Căn cứ theo Công văn số 125/TNMT ngày 14/3/2022 của Phòng Tài nguyên – Môi trường thành phố Q, phần diện tích đất rẻo (ký hiệu R32 trên trích đo bản đồ địa chính ngày 22/10/2021 sau khi có quyết định của UBND thành phố về việc giao đất rẻo cho hộ gia đình, cá nhân và phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định thì mới được công nhận (cấp GCNQSDĐ).

[2.2.2.3] Thanh toán giá trị:

Như phân tích tại [2.2.2.1] và [2.2.2.2], phần đất chia cho bà D trị giá 2.000.000.000 đồng, bà D được hưởng là 400.555.000 đồng nên bà D phải thanh toán phần thừa kế cho những người sau đây:

Chị Nguyễn Lê Trà M và chị Nguyễn Lê Kiều M1 mỗi chị 200.555.555 đồng.

Vợ và 02 con của ông Nguyễn Ngọc N là bà Trần Thị T, anh Nguyễn Ngọc V và anh Nguyễn Ngọc C mỗi người 133.888.888 đồng

Ông Nguyễn Ngọc H2 401.666.666 đồng

Ông Nguyễn Ngọc Th3 395.000.000 đồng

Phần đất chia cho ông Th1 trị giá 2.015.000.000 đồng nhưng phần ông Th1 được chia là 401.666.666 đồng nên ông Th1 phải thanh toán phần thừa kế cho ông Nguyễn Thái Kh, ông Nguyễn Ngọc H, bà Nguyễn Thị Th bà Nguyễn Thị Th2 mỗi người 401.666.666 đồng, thanh toán cho ông Nguyễn Ngọc Th3 6.666.666 đồng.

[2.3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Theo quy định tại khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội (Nghị quyết 326), ông Nguyễn Thái Kh, ông Nguyễn Ngọc H, bà Nguyễn Thị Th, ông Nguyễn Ngọc Th3 mỗi người phải chịu 20.066.666 đồng; bà Lê Thị Bích D phải chịu 20.022.222 đồng.

Bà Trần Thị T, anh Nguyễn Ngọc V và anh Nguyễn Ngọc C mỗi người phải chịu 6.688.888 đồng;

Chị Nguyễn Lê Trà M và chị Nguyễn Lê Kiều M1 mỗi người phải chịu 10.027.777 đồng.

Ông Nguyễn Ngọc H2 và ông Nguyễn Ngọc Th1 là người cao tuổi nên theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326, ông H2 và ông Th1 được miễn toàn bộ án phí.

[2.4] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tại cấp sơ thẩm là 6.414.000 đồng, phúc thẩm là 6.000.000 đồng, tổng cộng là 12.414.000 đồng. Ông Nguyễn Ngọc H2, bà Nguyễn Thị Th2, ông Nguyễn Ngọc Th1, ông Nguyễn Thái Kh, ông Nguyễn Ngọc Th3 và bà Nguyễn Thị Th mỗi người phải chịu 1.379.333 đồng; bà Trần Thị T, anh Nguyễn Ngọc V và anh Nguyễn Ngọc C mỗi người phải chịu 459.777 đồng; bà Nguyễn Thị Bích D, chị Nguyễn Lê Trà M và chị Nguyễn Lê Kiều M1 mỗi người phải chịu 459.777 đồng. Theo bà Q, đây là tiền của ông Nguyễn Ngọc Th1 giao cho bà nộp thay nên các ông H2, ông Kh, ông Th3, bà Th2, bà Th, bà T, anh V, anh C, chị Trà M và chị Kiều M1 phải hoàn lại cho ông Nguyễn Ngọc Th1.

[2.5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326, ông Nguyễn Thái Kh, ông Nguyễn Ngọc Th1, ông Nguyễn Ngọc H và bà Nguyễn Thị Th không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận. Bà Lê Thị Bích D phải chịu 300.000 đồng do kháng cáo của bà D không được chấp nhận.

[2.6] Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn phát biểu quan điểm pháp lý đề nghị sửa bản án sơ thẩm, công nhận di sản của vợ chồng cụ L là 17,8 m^2 đất trong diện tích đất 80,3 m^2 thuộc thửa đất số 110, tờ bản đồ số 09 tại tổ 8, KV2, phường H, thành phố Q, diện tích còn lại là tài sản của vợ chồng bà Lê Thị Bích D, ông Nguyễn Ngọc H3 là chưa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[2.7] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị công nhận diện tích đất 80,3 m2 thửa đất số110, tờ bản đồ số 09 tại tổ 8, KV2, phường H, thành phố Q là di sản của vợ chồng cụ Nguyễn Thái L, Đào Thị L1, chia thừa kế cho 09 người con của hai cụ, trích công sức cho bà D tương đương một kỷ phần thừa kế, chia giao thửa đất thành 02 phần trong đó bà D được sử dụng một phần, một phần giao cho ông Th1. Bà D và ông Th1 phải thanh toán cho các thừa kế là phù hợp với nhận định của tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 29, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội; Điều 649, 650, 651 Bộ luật Dân sự năm 2015. Chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thái Kh, ông Nguyễn Ngọc Th1, ông Nguyễn Ngọc H và bà Nguyễn Thị Th; không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị Bích D; Sửa bản án sơ thẩm.

1. Xác định thửa đất số 110, tờ bản đồ số 09, diện tích đo đạc thực thế là 111,7 m^2 trừ 7,3 m^2 là chỉ giới an toàn giao thông và 24,1 m^2 đất rẻo R32 thuộc quyền quản lý của nhà nước nên diện tích còn lại 80,3 m^2 là di sản của vợ chồng cụ Nguyễn Thái L, Đào Thị L1.

1.1 Chia giao cho bà Lê Thị Bích D được sử dụng diện tích đất 40 m^2 có giá 2.000.000.000 đồng (40 m x 50.000.000 đồng/m^2) và sở hữu các tài sản trên

đất là nhà tôn, bếp, vệ sinh (tài sản do bà D tạo lập) và một phần móng nhà không còn giá trị sử dụng (do vợ chồng cụ L tạo lập) có giới cận: Đông giáp phần đất giao cho ông Nguyễn Ngọc Th1, Tây giáp đất ông K, Nam giáp đất ông D, Bắc giáp đường Bùi Xuân P (ký hiệu khu A trên sơ đồ kèm theo) thuộc thửa đất số 110, tờ bản đồ số 09 tại tổ 8 KV 2, phường H, thành phố Q, tỉnh Bình Định. (Đất và tài sản trên đất do bà D đang quản lý).

1.2 Buộc bà Lê Thị Bích D, chị Lê Thị Trà M và chị Lê Thị Kiều M1 phải giao cho ông Nguyễn Ngọc Th1 diện tích đất 40,3 m^2, trên đất có một phần phần móng nhà không còn giá trị sử dụng (do vợ chồng cụ L tạo lập) thuộc thửa đất số 110, tờ bản đồ số 09 tại tổ 8 KV 2, phường H, thành phố Q, tỉnh Bình Định, giới cận: Đông giáp đường đi chung (đường Bê tông), Tây giáp phần đất giao cho bà D, Nam giáp đất ông D, Bắc giáp đường Bùi Xuân P (Phần đất giao cho ông Th1 ký hiệu khu B trên sơ đồ kèm theo).

2. Thanh toán giá trị:

2.1 Bà Lê Thị Bích D được sở hữu số tiền 400.555.555 đồng (trong đó công gìn giữ, tôn tạo di sản 200.000.000 đồng, hưởng thừa kế của ông Nguyễn Ngọc H3 200.555.555 đồng) nên bà Lê Thị Bích D phải thanh toán kỷ phần thừa kế cho các thừa kế như sau:

Chị Nguyễn Lê Trà M và chị Nguyễn Lê Kiều M1 mỗi chị 200.555.555 đồng.

Vợ và 02 con của ông Nguyễn Ngọc N là bà Trần Thị T, anh Nguyễn Ngọc V và anh Nguyễn Ngọc C mỗi người 133.888.888 đồng

Ông Nguyễn Ngọc H2 401.666.666 đồng

Ông Nguyễn Ngọc Th3 395.000.000 đồng

2.2 Buộc ông Nguyễn Ngọc Th1 phải thanh toán kỷ phần thừa kế cho các thừa kế gồm: Ông Nguyễn Thái Kh, ông Nguyễn Ngọc H, bà Nguyễn Thị Th và bà Nguyễn Thị Th2 mỗi người 401.666.666 đồng và thanh toán cho ông Nguyễn Ngọc Th3 6.666.666 đồng.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Thái Kh, ông Nguyễn Ngọc H, bà Nguyễn Thị Th, ông Nguyễn Ngọc Th3 và bà Nguyễn Thị Th2 mỗi người phải chịu 20.066.666 đồng; bà Lê Thị Bích Dung phải chịu 20.022.222 đồng.

Bà Trần Thị T, anh Nguyễn Ngọc V và anh Nguyễn Ngọc C mỗi người phải chịu 6.688.888 đồng; chị Nguyễn Lê Trà M và chị Nguyễn Lê Kiều M1 mỗi người phải chịu 10.027.777 đồng.

Ông Nguyễn Ngọc H2 và ông Nguyễn Ngọc Th1 được miễn toàn bộ án phí.

4. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Buộc ông Nguyễn Ngọc H2, bà Nguyễn Thị Th2, ông Nguyễn Thái Kh, ông Nguyễn Ngọc Th3 và bà Nguyễn Thị Th mỗi người phải hoàn lại cho ông

Nguyễn Ngọc Th1 1.379.333 đồng; bà Trần Thị T, anh Nguyễn Ngọc V và anh Nguyễn Ngọc C mỗi người phải hoàn lại cho ông Th1 459.777 đồng; bà Nguyễn Thị Bích D, chị Nguyễn Lê Trà M và chị Nguyễn Lê Kiều M1 mỗi người phải hoàn lại cho ông Th1 459.777 đồng.

5. Án phí dân sự phúc thẩm:

- Ông Nguyễn Thái Kh, ông Nguyễn Ngọc Th1, ông Nguyễn Ngọc H và bà Nguyễn Thị Th không phải chịu. Hoàn lại cho ông Kh, ông Th, ông H và bà Th mỗi người 300.000 đồng theo các Biên lai số 0002499, 0002500, 0002501 ngày 12/5/2021 và Biên lai số 0002584 ngày 26/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q.

- Bà Lê Thị Bích D phải chịu 300.000 đồng, được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0002542 ngày 20/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q.

6. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND TP. Q;
- Chi cục THADS TP. Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hồ Tuấn Anh